

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Bản đồ (0,75đ)	Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ	1											
		Phương pháp sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và trong đời sống	1											
		Một số ứng dụng của GPS (Global Positioning System - Hệ thống định vị toàn cầu) và bản đồ số trong đời sống	1											
2	Trái Đất (4,0đ)	Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất	1	1										
		Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất	1	1	1	1a*,1b*	1c*	1d*			2		1	
3	Thạch quyển (2,75đ)	Khái niệm thạch quyển	2	1										
		Nội lực và ngoại lực	2		1	1a*,b*	c*,d*						1	
4.	Khí quyển	Khái niệm khí quyển, Nhiệt độ không khí	3	1	2						2	1		

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
	(2,5)													
Tổng số câu/ý			12	4		2a, 2b	2c	2d			4		1	1
Tổng số điểm			3,0	1,0		1,0	0,5	0,5			1,0		1,5	1,5
Tỉ lệ %			40			20			10			30		

2/ BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I, LỚP 10

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Bản đồ (0,75đ)	- Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Phương pháp sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và trong đời sống - Một số ứng dụng của GPS (Global Positioning System - Hệ thống định vị toàn cầu) và bản đồ số trong đời sống.	Nhận biết - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ - biểu đồ (NL1)	3											
2	Trái Đất (3,0đ)	- Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ	Nhận biết - Trình bày được nguồn												

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
		Trái Đất - Thuyết kiến tạo mảng - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất	gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất (NL1) - Trình bày được trái đất có mấy chuyển động chính, hướng quay, hiện tượng ngày- đêm; sự luân phiên ngày- đêm cũng như giờ trên trái đất (NL1) Thông hiểu - Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển	2	2		1a,1b	1c	1d			2			

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ). (NL1) Vận dụng - Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất. (NL2) - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. (NL3)												1
3	Thạch quyển (2,25đ)	- Khái niệm thạch quyển - Nội lực và ngoại lực	Nhận biết - Trình bày được khái niệm thạch quyển. (NL1) - Trình bày khái niệm nội	4										1	

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			lực, ngoại lực; nguyên nhân của chúng. (NL1) Thông hiểu - Phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. (NL1) - Trình bày tác động của nội lực, ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. (NL1) - Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. (NL2) Vận dụng: - Giải thích nguyên nhân		1										

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			hình thành các dạng địa hình ngoài tự nhiên -So sánh điểm giống-khác nhau giữa nội lực- ngoại lực												
4	Khí quyển (4,0đ)	Khái niệm khí quyển Nhiệt độ không khí	Nhận biết - Nêu được khái niệm khí quyển . NL1 - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. NL1 - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương. NL2 - Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. NL3 Thông hiểu - Trình bày được sự hình	3	1		1a,b	1c	1d			2			

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	Mức độ đánh giá											
				TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận		
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			thành các đai khí áp trên Trái Đất. NL2 - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên thế giới. NL2 Vận dụng - Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa). NL2 - Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. NL2 Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế. NL3												
	Tổng số câu/ý			12	4		2a, 2b	2c	2d			4		1	1
	Tổng số điểm			3,0	1,0		1,0	0,5	0,5			1,0		1,5	1,5
	Tỉ lệ %			40			2,0			10			30		

Mức độ: 16TN+ 2Đ/S + 4 Trả lời ngắn

-Nhận biết: 12 TN+ 2 Đ/S (Đ.A 2a,2b) = 4.0 điểm

-Thông hiểu: 4 TN+2 Đ/S (Đ.A 2c) + 1TL = 3.0 điểm

- Vận dụng: 2Đ/S (Đ.A 2d) +4 TL ngắn+ 1TL= 3.0 điểm

**** Năng lực:**

- NL1: năng lực nhận thức khoa học địa lý

-NL2: năng lực tìm hiểu địa lý

-NL3: năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học

MA TRẬN ĐÃ ĐƯỢC GIÁO VIÊN TRONG NHÓM ĐỊA LÝ THÔNG NHẤT

1. Nguyễn Thị Chót

2. Nguyễn Khánh Chi

3. Phan Thị Trúc Linh

Tổ trưởng CM

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 10 năm 2025

Giáo viên soạn

Phan Thị Trúc Linh

Nguyễn Thị Chót

